

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng chờ thi:** A104**Môn thi:** Kỹ năng đọc**Ca thi:** 8h15**Ngày thi:** 28/10/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA3000	18810310341		Trần Văn	An	16/6/2000			
2	TA3001	1781410402		Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999			
3	TA3002	1781620002		Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
4	TA3003	1781410306		Trần Ngọc	Anh	4/1/1999			
5	TA3004	18810710130		Đinh Phương Ngọc	Ánh	9/1/2000			
6	TA3005	18810840006		Nguyễn Hoàng	Cúc	11/10/1999			
7	TA3006	18819120032		Lê Tắt	Đạt	18/3/2000			
8	TA3007	19810430169		Nguyễn Tiến	Đạt	21/9/2001			
9	TA3008	1781420154		Nguyễn Văn	Đoàn	3/3/1999			
10	TA3009	18810610072		Nguyễn Văn	Dự	8/11/2000			
11	TA3010	1781410321		Hoàng Minh	Đức	5/7/1999			
12	TA3011	18810610012		Bùi Anh	Dũng	2/7/2000			
13	TA3012	1681650013		Nguyễn Tiến	Dũng	6/10/1998			
14	TA3013	18810420156		Nguyễn Việt	Dũng	20/11/2000			
15	TA3014	1781110119		Nguyễn Việt	Dũng	25/1/1999			
16	TA3015	18810820034		Bùi Nam	Dương	8/11/2000			
17	TA3016	18810320110		Phạm Trường	Giang	20/7/2000			
18	TA3017	18810830115		Phạm Thanh	Hà	21/7/2000			
19	TA3018	18810170035		Đỗ Minh	Hải	27/12/2000			
20	TA3019	18810650001		Nguyễn Trung	Hải	9/1/2000			
21	TA3020	1781810023		Nguyễn Thị Minh	Hằng	1/1/1999			
22	TA3021	18810310576		Đỗ Thị Hồng	Hạnh	12/1/2000			
23	TA3022	18810430046		Hoàng Minh	Hiếu	22/9/2000			
24	TA3023	18810320267		Vũ Khắc	Hiếu	9/8/2000			

25	TA3024	1781410330		Đình Quốc	Hiếu	25/9/1999			
26	TA3025	18810000029		Lại Minh	Hiếu	5/1/2000			
27	TA3026	18810710070		Nguyễn Thị	Hoa	9/4/2000			
28	TA3027	18810430005		Nguyễn Xuân	Hùng	28/2/1998			
29	TA3028	18810110203		Trần Gia	Hùng	12/1/2000			
30	TA3029	18810610027		Nguyễn Thành	Hùng	17/6/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)